

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2022

V/v tranh chấp không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Ông Nguyễn Phát To

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị P – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Nhơn T, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Lâm Thành Đ – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Phú C, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 08/3/2022, Bản tự khai ngày 08/3/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Vào năm 1992, Chị và anh Lâm Thành Đ sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Nhận thấy

cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên là Lâm Thị Bích P sinh ngày 31/3/1994. Con chung của chị và anh Đ đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lâm Thành Đ trình bày tại bản tự khai ngày 08/3/2022: Anh thống nhất với phần trình bày của chị P. Anh và chị P sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên không thể sống chung với nhau. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị P có một con chung tên là Lâm Thị Bích P sinh ngày 31/3/1994. Con chung của anh và chị P đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Anh có yêu cầu xét xử vắng mặt

Anh Đ và chị P thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, Đối với chị P và anh Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh Đ.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Do chị Nguyễn Thị P và anh Lâm Thành Đ sống chung với nhau tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận Nguyễn Thị P và anh Lâm Thành Đ là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị P và anh Lâm Thành Đ do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lâm Thành Đ. Do anh Lâm Thành Đ và chị Nguyễn Thị P có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết vụ án nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị P và anh Lâm Thành Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Lâm Thành Đ tuy được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân này. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị P làm đơn xin ly hôn với anh Đ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Lâm Thành Đ là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Anh Đ và chị P có một con chung tên là Lâm Thị Bích P sinh ngày 31/3/1994. Con chung của anh và chị P đã đủ 18 tuổi, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Lâm Thành Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 0011745 ngày 08/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị P đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đua

